

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN DẠY HỢP ĐỒNG THỈNH GIẢNG

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM.

- Tôi tên: LÊ HÀ HUỆ TRINH Sinh ngày: 18/01/1996 Giới tính: Nữ
- Quê quán: Long An Dân tộc: Kinh ĐT liên lạc: 0965434846
- Hộ khẩu thường trú: 3/6, Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM
- Chỗ ở hiện nay: 3/6, Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn đào tạo: Cử nhân chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng
- Trường đào tạo: Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG TP.HCM
- Trình độ chuyên môn cao nhất: Cử nhân
- Trường đào tạo: Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG TP.HCM
- Hiện đang công tác tại đơn vị: Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật TP.HCM
- Tình trạng sức khỏe (đính kèm giấy khám sức khỏe): Tốt

Nay tôi làm đơn này kính đề nghị được ký hợp đồng giảng dạy thỉnh giảng môn/ngành: Nhập môn Tài chính công, Tài chính doanh nghiệp 2, Kinh tế vĩ mô với quý trường.

Nếu được ký hợp đồng thỉnh giảng, tôi cam đoan thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định của Nhà trường.

Kính mong được sự chấp thuận của Hiệu trưởng./.

TP. HCM, ngày 16 tháng 02 năm 2022

KÍNH ĐƠN



Lê Hà Huệ Trinh

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: /HĐTG-LTT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

HỢP ĐỒNG THỈNH GIẢNG
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2021 - 2022

Căn cứ Bộ luật Dân sự nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 44/2011/TT-BGDĐT ngày 10/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chế độ thỉnh giảng trong các cơ sở giáo dục;

Căn cứ Hướng dẫn số 489/HD-LTT ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện hợp đồng giảng dạy đối với giảng viên thỉnh giảng và Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của Nhà trường;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của mỗi bên, chúng tôi gồm:

Bên A: ÔNG ĐINH VĂN ĐỆ

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

(theo Giấy ủy quyền số 688/GUQ-LTT ngày 15 tháng 7 năm 2020)

Đại diện cho: Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 390 Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 38 440 567.

Bên B: BÀ LÊ HÀ HUỆ TRINH

Ngày sinh: 18/01/1996

Số CMND: 080196000047 Ngày cấp: 04/11/2016. Nơi cấp: Công an TP. HCM

Chuyên ngành đào tạo: Tài chính - Ngân hàng

Cơ quan công tác: Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật TP.HCM

Địa chỉ thường trú: 3/6, Nguyễn Văn Thù, Phường Đakao Q1, TP.HCM

Địa chỉ liên lạc: 3/6, Nguyễn Văn Thù, Phường Đakao Q1, TP.HCM

Tài khoản:tại Ngân hàng SACOMBANK

Mã số thuế thu nhập cá nhân: 8511134840

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng thỉnh giảng và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1. Nội dung của hợp đồng

Bên B nhận thực hiện công việc giảng dạy tại khoa Kinh tế cho bên A trong học kỳ II năm học 2021-2022, cụ thể như sau:

1. Môn học: Tài chính doanh nghiệp 2, Tài chính công, Kinh tế vĩ mô
2. Thời gian thỉnh giảng: Từ ngày .../.../2022 đến .../.../2022.
3. Khối lượng và giá trị hợp đồng:

T T	Lớp giảng dạy	Hệ Cao đẳng		Hệ Trung cấp		Thành tiền (đồng)
		Lý thuyết (80.000đ/tiết)	Thực hành (60.000đ/tiết)	Lý thuyết (70.000đ/tiết)	Thực hành (55.000đ/tiết)	
1.						
2.						
3.						
Tổng						

Tổng số tiền bằng chữ:
(chưa bao gồm thuế thu nhập cá nhân)

Điều 2. Quyền và trách nhiệm của bên A

1. Cung cấp nội dung chương trình, kế hoạch giảng dạy, tạo điều kiện để bên B sử dụng thiết bị, phương tiện để thực hiện các hoạt động giảng dạy.
2. Thanh quyết toán tiền thù lao giảng dạy và các kinh phí khác (nếu có) cho bên B chậm nhất 10 ngày sau khi ký thanh lý hợp đồng giảng dạy.
3. Nếu bên B không đảm bảo tốt chất lượng giảng dạy thì bên A sẽ hủy hợp đồng trước thời hạn. Bên nào muốn ngưng hợp đồng phải báo trước 1 tháng cho bên kia.
4. Cấp cho bên B bản xác nhận hoàn thành hợp đồng thỉnh giảng.

Điều 3. Quyền và trách nhiệm của bên B

1. Thực hiện các hoạt động giảng dạy theo đúng chương trình, kế hoạch và đảm bảo yêu cầu chất lượng của bên A đề ra; đảm bảo sự khách quan, trung thực và công bằng tuyệt đối trong giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của học sinh sinh viên; nộp bảng điểm tổng kết đúng hạn theo quy định.
2. Thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định của pháp luật về giáo

dục và các quy định của pháp luật có liên quan đến hợp đồng thỉnh giảng.

3. Bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ tại cơ quan, tổ chức nơi mình công tác; phải báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi mình công tác trước khi giao kết và sau khi chấm dứt hợp đồng thỉnh giảng.

4. Được bên A cung cấp, hỗ trợ tài liệu, thiết bị, phương tiện làm việc cần thiết; được tham gia sinh hoạt chuyên môn, nhiệm vụ tại khoa, tổ bộ môn; được hưởng các quyền lợi khác của nhà giáo thỉnh giảng theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật thuế thu nhập cá nhân hiện hành.

Điều 4. Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện đúng nghĩa vụ của mình đã nêu trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, hai bên sẽ cùng bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác, tôn trọng lẫn nhau.

Trường hợp bên nào vì lý do bất khả kháng buộc phải thay đổi hợp đồng cần thông báo trước cho bên kia ít nhất 2 tuần. Nếu bên nào đơn phương hủy hợp đồng, hoặc tự ý thay đổi nội dung hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của bên kia thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng này được lập thành 03 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 (hai) bản, bên B giữ 01 (một) bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

ĐẠI DIỆN BÊN B



TS. Đinh Văn Đệ

Lê Hà Huệ Trinh

Trưởng khoa Kinh tế
P.Phòng TS - ĐT
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Nghĩa
Nguyễn Văn Tấn.....
Nguyễn Kính.....

CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

SỔ HỘ KHẨU

Số: **31010089175**

Họ và tên chủ hộ: LÊ HÀ HUỆ TRINH

Nơi thường trú: 3/6 (Tầng 1)

Nguyễn Văn Thủ

Phường Đakao, Quận 1



CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực-quyền số: 05198/02

21-02-2022

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG ĐAKAO



Trần Văn Thạch

(Chữ)

Hồ sơ hộ khẩu số: Tổ 32 Q2 Tờ số: 78

Số đăng ký thường trú số: Tổ 32 Q2 Tờ số: 78

CHỦ HỘ

Họ và tên: LÊ HÀ HUỆ TRINH

Họ và tên gọi khác (nếu có):

Ngày, tháng, năm sinh: 18/01/1996 Giới tính: Nữ

Quê quán: Long An

Dân tộc: Kinh Quốc tịch:

CMND số: Hộ chiếu số:

Nghề nghiệp, nơi làm việc:

Nơi thường trú trước khi chuyển đến: 140/10/2016

Áp Voi, Xã Mỹ Thạnh, Huyện Huệ, Long An

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 10 tháng 10 năm 2016

TRƯỞNG CÔNG AN Quận 1

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TRƯỞNG TÁ LÊ HOÀNG NAM

Lý do xóa đăng ký thường trú:

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm

TRƯỞNG CÔNG AN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ HỘ KHẨU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

Số: **080196000047**

Họ và tên: **LÊ HÀ HUỆ TRINH**

Ngày, tháng, năm sinh: **18/01/1996**

Giới tính: **Nữ** Quốc tịch: **Việt Nam**

Quê quán: **Long An**

Nơi thường trú: **3/6 Tầng 1 Ng. Văn Thù
Đà Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh**

Có giá trị đến: **18/01/2021**

Đặc điểm nhân dạng: **Sẹo chấm c, 1cm trước đầu**

Ngày **04** tháng **11** năm **2016**

CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT
ĐKQL CƯ TRÚ VÀ DI ĐỘNG VÊ DÂN CƯ

Trần Quốc Sáng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực quyền số: **SCT/BS**

- 05200702

21-02-2022

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG ĐÀ KAO



Trần Văn Thạch

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness

VIET NAM NATIONAL UNIVERSITY HO CHI MINH CITY
UNIVERSITY OF ECONOMICS AND LAW



has conferred the degree of
Bachelor of Economics
in **FINANCE and BANKING**

Upon: **Ms. Le Ha Hue Trinh**

Date of birth: **January 18, 1996**

Degree classification: **Good**

Mode of study: **Full-time**

Ho Chi Minh City, June 07, 2018

Given under the seal of
UNIVERSITY OF ECONOMICS AND LAW



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

cấp bằng

Cử nhân

ngành TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Cho: **Bà Lê Hà Huệ Trinh**

Ngày sinh: **18-01-1996**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực-quyển số: **05199/06 SCT/BS**

Xếp loại tốt nghiệp: **Khá**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

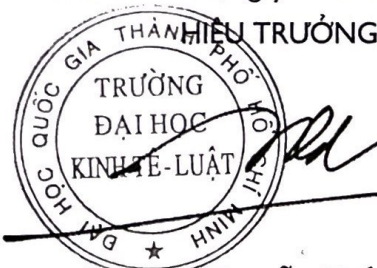
21-02-2022

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG ĐAKAO



Trần Văn Thạch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 06 năm 2018



PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng

Số hiệu/ No: **QH32201700156**

Số vào sổ cấp bằng/ Reg. No: **144040018CQ**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



BẰNG ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
Cấp

CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM

Cho: LÊ HÀ HUỆ TRINH Giới tính: NỮ
Sinh ngày: 18/01/1996 Nơi sinh: LONG AN
Đã hoàn thành chương trình: NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM CHO GIÁNG VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG
Điểm trung bình: 8.05 Xếp loại: GIỎI

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2018



HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu: NV 27535

Số vào sổ cấp chứng chỉ: SL/ODS429-18K2SG135

Số chứng thực-quyền số: -05201702

21-02-2022

GS.TS NGUYỄN VĂN MINH

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG ĐAKAO



Trần Văn Thạch

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



CHỨNG CHỈ
NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHƯỜNG ĐAKAO



Tên Văn Thạc



CHỨNG CHỈ
TIN HỌC ỨNG DỤNG
Trình độ B

Cấp cho: **Lê Hà Huệ Trinh**

Sinh ngày: **18/01/1996** Nơi sinh: **Long An**

Đã hoàn thành khoá học từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

Hội đồng kiểm tra: Trung Tâm Tin Học – Tr. ĐH. Khoa Học Tự Nhiên TP.HCM – Ngày kiểm tra: 24/07/2016

Xếp loại: **Khá (Điểm: 7.5)**

.....TP.HCM....., Ngày 26 tháng 08 năm 2016

Mastering Office Tools

Số hiệu: A 2544806

Số vào sổ cấp chứng chỉ: BQ/B/2016/003179

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực-quyển số: 05202/02



Phạm Thanh Minh

21-02-2022

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG ĐÀKAO



Trần Văn Thạch

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



**CHỨNG CHỈ
TIN HỌC ỨNG DỤNG**



Tên và Họ

PHỤ LỤC VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC VÀ HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ

1. Về chương trình giáo dục và bằng cấp: Một sinh viên bậc đại học tại UEL cần hoàn thành chương trình 4 năm (8 học kỳ) tại trường. Sau khi sinh viên hoàn tất số tín chỉ yêu cầu của chương trình thì được cấp bằng Cử nhân chuyên ngành tương ứng.

2. Về hệ thống đánh giá:

Xếp loại	Thang điểm Chính thức hệ 10	Thang điểm hệ 4 (tham khảo)	
		Điểm số	Điểm chữ
Xuất sắc	Từ 9 đến 10	4.0	A+
Gioi	Từ 8 đến cận 9	3.5	A
Khá	Từ 7 đến cận 8	3.0	B+
Trung bình khá	Từ 6 đến cận 7	2.5	B
Trung bình	Từ 5 đến cận 6	2.0	C
Yếu	Từ 4 đến cận 5	1.5	D+
Kém	Từ 3 đến cận 4	1.0	D
	< 3	0.0	F
-	Miễn thi	-	M

3. Về bảng điểm:

Tín chỉ: Chương trình giáo dục được đo lường bằng đơn vị là tín chỉ. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành. Một tiết học được quy định bằng 50 phút. Để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân (tự học). Điểm trung bình chung tích lũy: được tính bằng trung bình điểm có trọng số tương ứng số tín chỉ của tất cả môn học sinh viên tích lũy được trong chương trình giáo dục của sinh viên.

EXPLANATION ABOUT EDUCATION AND GRADING SYSTEM

1. About Academic Program and Degree: A fulltime undergraduate student at UEL is required to finish 4-year (8-semester) program. When the student has successfully completed all the required credits, he/she will be awarded a Bachelor Degree of his/her own major.

2. Grading system:

Rank	Grading scale 10	Grading scale 4 (for reference)	
		Score	Grade
Excellence	Equal to or above 9	4.0	A+
Very Good	Equal to or above 8 but below 9	3.5	A
Good	Equal to or above 7 but below 8	3.0	B+
Rather Good	Equal to or above 6 but below 7	2.5	B
Fair	Equal to or above 5 but below 6	2.0	C
Weak	Equal to or above 4 but below 5	1.5	D+
Poor	Equal to or above 3 but below 4	1.0	D
	Below 3	0.0	F
-	Exemption	-	M

3. About Academic Transcript:

Credit: Courses are measured in credits. One credit is equal to 15 class hours of studying theories or 30 class hours of practicing. Each class hour lasts for 50 minutes. Students are required to spend at least 30 hours of self-study to prepare for one credit.

GPA: GPA is calculated as the weighted average of the highest scores of all courses taken.



ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VIET NAM NATIONAL UNIVERSITY HO CHI MINH CITY TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT UNIVERSITY OF ECONOMICS AND LAW



BẢNG ĐIỂM ACADEMIC TRANSCRIPT

ACADEMIC TRANSCRIPT
HIGH-QUALITY PROGRAMME

The programme was assessed by Asean University Network (AUN)

Full name: **LE HA HUE TRINH**
Date of birth: 18/01/1996
Student ID: K144040611
Level of degree: Bachelor
Ology / Major: **Finance and Banking**

Gender: Female
Place of birth: LONG AN
Class: K14404C
Mode of study: Full-time
Course: 2014 - 2018

No	Subject Code	Subject title	Credits	Score	Grade	No	Subject Code	Subject title	Credits	Score	Grade
1	TE00	Basic English	8	6.5	B	24	KK15	Financial Accounting	3	8.5	A
2	KT06	Microeconomics	4	7.0	B+	25	KT02	Econometrics	3	7.5	B+
3	GT05	Introduction to Business Communication	2	8.0	A	26	LU01	Business Law	3	7.5	B+
4	NL03	Basic Principles of Marxism - Leninism	5	6.5	B	27	KK05	Auditing Theory	3	6.5	B
5	TO08	Advanced Mathematics	5	5.5	C	28	TC01	Financial Management 1	4	5.5	C
6	TE01	English 1	4	8.0	A	29	NH01	Banking and Monetary Theory	3	7.0	B+
7	TE02	English 2	4	7.0	B+	30	TT01	Ho Chi Minh Thoughts	2	8.0	A
8	KT08	Macroeconomics	4	6.0	B	31	DL01	Revolutionary Strategies of the Vietnamese Communist Party	3	7.5	B+
9	TO07	Probability Theory	2	8.0	A	32	MA12	Marketing for Financial Institutions	3	8.0	A
10	KK01	Accounting Principles	3	5.5	C	33	NH11	Commercial Banks 1	4	6.0	B
11	QH04	International Relations	2	7.0	B+	34	TC02	Financial Management 2	4	6.0	B
12	QT01	Introduction to Management	3	8.0	A	35	TC04	Governmental Finance	4	7.5	B+
13	TH06	Applied Informatics	3	6.5	B	36	NH06	Accounting for Banks	3	8.0	A
14	TE03	English 3	4	6.5	B	37	NH12	Commercial Banks 2	4	8.5	A
15	TE04	English 4	4	6.0	B	38	CK04	Stock Analysis	3	6.0	B
16	TE05	English 5	4	7.0	B+	39	TC06	Project management	3	8.0	A
17	KN05	Teamwork	2	8.5	A	40	NH03	Bank Management	4	8.5	A
18	LS01	History of Economic Doctrines	3	6.5	B	41	TC24	Taxation	4	6.0	B
19	TC10	Financial and Monetary Theory	3	7.5	B+	42	TC23	Financial Investments	3	8.0	A
20	MA01	Fundamentals of Marketing	3	8.0	A	43	TC25	Behavioral Finance	3	7.5	B+
21	PL01	Introduction to Law	3	5.5	C	44	BC01	Internship	4	7.5	B+
22	TK04	Applied Statistics	3	7.5	B+	45	KL01	Dissertation	6	8.0	A
23	TE06	English 6	4	5.5	C	46	TN01	International Finance	4	6.0	B

Result:

1. Specialized knowledge:

- Total accumulated credits : 130
- Grade Point Average (GPA) : 6.96
- Ranking : Average Good

2. English knowledge:

- Total accumulated credits : 32
- Accumulated average : 6.63

3. Physical education:

- Physical Education 1 (3 Credits) : 8.0
- Physical Education 2 (2 Credits) : 8.0

4. Defense education

: Obtained

5. Extracurricular training

: Very Good

Ho Chi Minh City, August 06, 2018

By order of Rector
Head of Academic Affairs Office
NGUYEN THANH TRONG, PhD
(Signed)

BẢNG ĐIỂM TỐT NGHIỆP
CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO

Chương trình đào tạo đã được đánh giá bởi mạng lưới các trường Đại học Đông Nam Á (AUN)

Họ và tên: **LÊ HÀ HUE TRINH**
Ngày sinh: 18/01/1996
Mã số sinh viên: K144040611
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành / Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Giới tính: Nữ
Nơi sinh: LONG AN
Lớp: K14404C
Hình thức đào tạo: Chính quy
Khóa học: 2014 - 2018

STT	Mã MH	Tên Môn Học	Số TC	Điểm Số	Điểm Chữ	STT	Mã MH	Tên Môn Học	Số TC	Điểm Số	Điểm Chữ
1	TE00	Anh văn tăng cường	8	6.5	B	24	KK15	Kế toán tài chính	3	8.5	A
2	KT06	Kinh tế học vi mô	4	7.0	B+	25	KT02	Kinh tế lượng	3	7.5	B+
3	GT05	Nhập môn khoa học giao tiếp (2TC)	2	8.0	A	26	LU01	Luật kinh tế	3	7.5	B+
4	NL03	Những nguyên lý cơ bản của Mác-Lênin	5	6.5	B	27	KK05	Lý thuyết kiểm toán	3	6.5	B
5	TO08	Toán cao cấp (5TC)	5	5.5	C	28	TC01	Quản trị tài chính 1	4	5.5	C
6	TE01	Anh văn 1	4	8.0	A	29	NH01	Tiền tệ - Ngân hàng (3TC)	3	7.0	B+
7	TE02	Anh văn 2	4	7.0	B+	30	TT01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	8.0	A
8	KT08	Kinh tế vĩ mô	4	6.0	B	31	DL01	Đường lối cách mạng của ĐCSVN (LS Đảng)	3	7.5	B+
9	TO07	Lý thuyết xác suất (2tc)	2	8.0	A	32	MA12	Marketing ngân hàng	3	8.0	A
10	KK01	Nguyên lý kế toán (Kế toán đại cương)	3	5.5	C	33	NH11	Ngân hàng thương mại 1	4	6.0	B
11	QH04	Quan hệ quốc tế (2TC)	2	7.0	B+	34	TC02	Quản trị tài chính 2	4	6.0	B
12	QT01	Quản trị học căn bản	3	8.0	A	35	TC04	Tài chính công	4	7.5	B+
13	TH06	Tin học ứng dụng	3	6.5	B	36	NH06	Kế toán ngân hàng	3	8.0	A
14	TE03	Anh văn 3	4	6.5	B	37	NH12	Ngân hàng thương mại 2	4	8.5	A
15	TE04	Anh văn 4	4	6.0	B	38	CK04	Phân tích chứng khoán (3TC)	3	6.0	B
16	TE05	Anh văn 5	4	7.0	B+	39	TC06	Quản trị dự án đầu tư	3	8.0	A
17	KN05	Kỹ năng mềm	2	8.5	A	40	NH03	Quản trị ngân hàng (4TC)	4	8.5	A
18	LS01	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	6.5	B	41	TC24	Thuế (4TC)	4	6.0	B
19	TC10	Lý thuyết tài chính - tiền tệ (Ng/lý thị trường tài chính)	3	7.5	B+	42	TC23	Đầu tư tài chính (3TC)	3	8.0	A
20	MA01	Marketing căn bản	3	8.0	A	43	TC25	Tài chính hành vi (3TC)	3	7.5	B+
21	PL01	Pháp luật đại cương	3	5.5	C	44	BC01	Báo cáo chuyên đề thực tập	4	7.5	B+
22	TK04	Thống kê ứng dụng	3	7.5	B+	45	KL01	Khóa luận tốt nghiệp	6	8.0	A
23	TE06	Anh văn 6	4	5.5	C	46	TN01	Tài chính quốc tế (4TC)	4	6.0	B

Kết quả:

1. Khối kiến thức chuyên môn:

- Tổng số tín chỉ tích lũy : 130
- Điểm trung bình chung tích lũy : 6.96
- Xếp loại : Khá

2. Khối kiến thức ngoại ngữ:

- Tổng số tín chỉ : 32
- Điểm trung bình : 6.63

3. Giáo dục thể chất:

- Giáo dục thể chất 1 (3 TC) : 8.0
- Giáo dục thể chất 2 (2 TC) : 8.0

4. Giáo dục quốc phòng

: Đạt

5. Kết quả rèn luyện toàn khóa

: Tốt

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2018

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

CHỨNG THỰC BẢN SẴO ĐỒNG ĐỜI BẢN CHÍNH
Số chứng thực-quyển số: 058006802

21-02-2018

TS NGUYỄN THANH TRỌNG

ĐẠI CHI HỘI SINH VIÊN PHƯỜNG ĐAKAO

Trần Văn Thạch

LISTENING AND READING OFFICIAL SCORE REPORT



Le Ha Hue Trinh

Name

080196000047

Identification
Number

1996/01/18

Date of Birth
(yyyy/mm/dd)

2018/07/12

Test Date
(yyyy/mm/dd)

2020/07/12

Valid Until
(yyyy/mm/dd)

LISTENING

250

Your score

5 495

READING

150

Your score

5 495

TOTAL
SCORE

400

Official Representatives of ETS: IIG Vietnam IIG Education Laos IIG Education Cambodia IIG Education Myanmar

VN2001

Copyright © 2013 by Educational Testing Service. All rights reserved. ETS, the ETS logos, and TOEIC are registered trademarks of Educational Testing Service.

Detach Here

LISTENING

Your scaled score is between 200 and 300. Test takers who score around 200 typically have the following strengths:

- They can understand short (single-sentence) descriptions of the central idea of a photograph.
- They can sometimes understand the central idea, purpose, and basic context of extended spoken texts when this information is supported by a lot of repetition and easy vocabulary.
- They can understand details in short spoken exchanges and descriptions of photographs when the vocabulary is easy and when there is only a small amount of text that must be understood.
- They can understand details in extended spoken texts when the requested information comes at the beginning or end of the text and when it matches the words in the spoken text.

To see weaknesses typical of test takers who score around 200, see the *Proficiency Description Table. If your performance is closer to 300, you should also review the descriptors for test takers who score around 300.

ABILITIES MEASURED

PERCENT CORRECT OF ABILITIES MEASURED

0% 100% Your Percentage

READING

Your scaled score is 150. Test takers who score around 150 typically have the following strengths.

- They can locate the correct answer to a factual question when not very much reading is necessary and when the language of the text matches the information that is required.
- They can understand easy vocabulary and common phrases.
- They can understand the most-common, rule-based grammatical structures when not very much reading is necessary.

To see weaknesses typical of test takers who score around 150, see the *Proficiency Description Table.

ABILITIES MEASURED

PERCENT CORRECT OF ABILITIES MEASURED

0% 100% Your Percentage

Can infer gist, purpose and basic context based on information that is explicitly stated in short spoken texts	61	0% 100%
Can infer gist, purpose and basic context based on information that is explicitly stated in extended spoken texts	46	0% 100%
Can understand details in short spoken texts	42	0% 100%
Can understand details in extended spoken texts	55	0% 100%

Can make inferences based on information in written texts	17	0% 100%
Can locate and understand specific information in written texts	47	0% 100%
Can connect information across multiple sentences in a single written text and across texts	22	0% 100%
Can understand vocabulary in written texts	28	0% 100%
Can understand grammar in written texts	53	0% 100%

* Proficiency Description Table can be found on our web site, www.ets.org/toEIC

HOW TO READ YOUR SCORE REPORT:

Percent Correct of Abilities Measured:

Percentage of items you answered correctly on this test form for each one of the Abilities Measured. Your performance on questions testing these abilities cannot be compared to the performance of test-takers who take other forms or to your own performance on other test forms.

Note: TOEIC scores more than two years old cannot be reported or validated.

Số: 125/GKSK-SGH

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



Họ và tên (chữ in hoa): LÊ HẠ THUỆ TRINH

Giới: Nam ☐ Nữ ☒ Tuổi: 26

Số CMND hoặc Hộ chiếu: 080196.000077 cấp ngày 04/11/2016

tại CATP HCM

Chỗ ở hiện tại: 3/6, Nguyễn Văn Thủ, Đa Kao, Q1

Lý do khám sức khỏe: Bộ sung hồ sơ xin việc

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần,

bệnh khác: a) Không ☒; b) Có ☐

Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không: Bệnh truyền nhiễm, bệnh tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản,

ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác: a) Không ☒; b) Có ☐

Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày 21 tháng 02 năm 2022

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)


Lê Hà Thuệ Trinh

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 162 cm; Cân nặng: 55 kg; Chỉ số BMI:

Mạch: 76 lần/phút; Huyết áp: 100 / 70 mmHg

Phân loại thể lực:.....

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Nội khoa	
a) Tuần hoàn:	
Phân loại	
b) Hô hấp:	
Phân loại	
c) Tiêu hóa:	
Phân loại	
d) Thận-Tiết niệu:	
Phân loại	
đ) Cơ-xương-khớp:	
Phân loại	
e) Thần kinh:	
Phân loại	
g) Tâm thần:	
Phân loại	
2. Ngoại khoa:	
Phân loại	
3. Sản phụ khoa:	
Phân loại	
4. Mắt:	
- Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải:..... Mắt trái:	
Có kính: Mắt phải: 10/100 Mắt trái: 10/100	
- Các bệnh về mắt (nếu có):	
- Phân loại:	
5. Tai-Mũi-Họng	
- Kết quả khám thính lực:	
Tai trái: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 195 m	
Tai phải: Nói thường: 15 m; Nói thầm: 195 m	
- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
- Phân loại:	
6. Răng-Hàm-Mặt	
- Kết quả khám: + Hàm trên: 1/171 su 100/mu	
+ Hàm dưới: 100	
- Các bệnh về Răng-Hàm-Mặt (nếu có): 100	
- Phân loại: I	
7. Da liễu:	
Phân loại: I	

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: Số lượng Bạch cầu: Số lượng Tiểu cầu: b) Sinh hóa máu: Đường máu: Urê: Creatinin: ASAT (GOT): ALAT (GPT): c) Khác (nếu có):	
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh:	

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:
2. Các bệnh, tật (nếu có):

ĐỦ SỨC KHỎE ĐI LÀM



ngày 21 tháng 2 năm 2022

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Kính ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

BS. Nguyễn Xuân Khang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH
TỰ THUẬT

I. THÔNG TIN BẢN THÂN.

1. Họ và tên (chữ in hoa) LÊ HẠ HUỆ TRẦN..... Nam/ Nữ Nữ.....
2. Sinh ngày 18 tháng 01 năm 1996 Nơi sinh Long An.....
3. Nguyên quán Ấp Voi, xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.....
4. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú 3/6, Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Q.1, TP. HCM.....
5. Chỗ ở hiện nay 3/6, Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Q.1, TP. HCM.....
6. Điện thoại liên hệ: 0965434846.....
7. Dân tộc Kinh..... Tôn giáo Không.....
8. Số chứng minh 080196000047 cấp ngày 04/11/2016 nơi cấp CA TP. HCM.....
9. Trình độ văn hóa 12/12.....
10. Kết nạp Đoàn TNCS HCM 26/03/2012 tại Tân Bình.....
11. Kết nạp Đảng CSVN...../...../..... tại.....
12. Khen thưởng/ Kỷ luật:.....
13. Sở trường:.....

II. QUAN HỆ GIA ĐÌNH (Ghi rõ họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, nơi công tác của bố mẹ đẻ, anh chị em ruột)

1. Họ và tên cha: Lê Minh Hòa..... Năm sinh: 1973.....
 - Nghề nghiệp hiện nay: Tài xế.....
 - Cơ quan công tác :
 - Chỗ ở hiện nay: Ấp Voi xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ, Long An.....
2. Họ và tên mẹ: Đặng Thị Ngọc..... Năm sinh: 1973.....
 - Nghề nghiệp hiện nay: Nội trợ.....
 - Cơ quan công tác :
 - Chỗ ở hiện nay: Ấp Voi, xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ, Long An.....

3. Họ và tên Anh/chị em ruột: Lê Hà Phương Trinh Năm sinh: 2009

- Nghề nghiệp hiện nay: Học sinh

- Cơ quan công tác: Trường THCS Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ, Long An

4. Họ và tên Anh/chị em ruột: Năm sinh:

- Nghề nghiệp hiện nay:

- Cơ quan công tác:

5. Họ và tên Anh/chị em ruột: Năm sinh:

- Nghề nghiệp hiện nay:

- Cơ quan công tác:

III. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO.

Từ tháng năm đến tháng năm	Tên trường hoặc cơ sở đào tạo	Ngành học	Hình thức đào tạo	Văn bằng chứng chỉ
8/2014 - 8/2018	ĐH Kinh tế - Luật ĐHQG TP. HCM	TCNH	Chính quy	Đại học

IV. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng năm đến tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/2019 - đến nay	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật TP HCM	Giảng viên

Tôi xin cam đoan bản khai sơ yếu lý lịch trên đúng sự thật, nếu có điều gì không đúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

01....., ngày 01 tháng 02 năm 2022

Xác nhận của cơ quan đang công tác hoặc địa phương nơi đăng ký hộ khẩu

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Người khai
(ký và ghi rõ họ tên)



Lê Hà Phương Trinh

Ngày 21 tháng 02 năm 2022 (Ngày hai mươi một, tháng hai, năm hai ngàn không trăm hai mươi hai)

Tại Ủy ban nhân dân phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tôi: Trần Văn Thạch, là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Chứng thực:

Bà: Lê Hà Huệ Trinh, căn cước công dân số 080196000047, cam đoan đã hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản và đã ký vào giấy tờ, văn bản trước mặt bà Mai Thị Thanh Hà là người tiếp nhận hồ sơ.

Số chứng thực **566** quyển số **02/2022** - SCT/CK, ĐC.

Người tiếp nhận hồ sơ



Mai Thị Thanh Hà



Trần Văn Thạch



